

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thông tin các chỉ tiêu thí nghiệm đủ điều kiện hoạt động  
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG LẠNG SƠN

Căn cứ nghị định số nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thành lập Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng do Sở Xây dựng cấp, số 02/GCN-SXD ngày 14 tháng 8 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng thí nghiệm vật liệu.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Công bố tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

- Tên tổ chức: Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn.

- Quyết định thành lập số 2049/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

- Địa chỉ: Đường Nhị Thanh, Phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn.

- Điện thoại: 0205.3711 191.

- Email: hoangvietvanvqls@gmail.com.

- Website: <https://soxd.langson.gov.vn>.

**Điều 2. Công bố thông tin Phòng thí nghiệm**

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm vật liệu.

- Địa chỉ: Đường Nhị Thanh, Phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn.

- Điện thoại: 0205.3711 191

- Email: hoangvietvanvqls@gmail.com

**Điều 3. Công bố thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm**

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm.
2. Danh mục máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.
3. Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.  
(Có danh sách kèm theo quyết định)

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Trưởng các Phòng Hành chính - Tổng hợp, Thí nghiệm vật liệu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (T/hiện);
- Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn (B/cáo);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Các phòng thuộc Trung tâm;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vy Minh Anh**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN**  
**KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG**

(Kèm theo quyết định công bố số 14/QĐ-TTGD ngày 10 tháng 04 năm 2026 của Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605:2023 AASHTO T128, T113, T153, T192; ASTM C184, C188, C786, C430, JIS R5201.
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 TCVN 3736:1982; TCVN 9488:2012; ASTM C109, C348; AASHTO T106; JIS R5201
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 TCVN 8775:2012; TCVN 10653:2015; AASHTO T129, T131; ASTM C187, C191 C266, C451, C807, JIS R5201
4	Phương pháp nhanh xác định giới hạn bền nén	TCVN 3736:82
<b>II</b>	<b>THỬ NGHIỆM CHO CỐT LIỆU VÀ CẤP PHỐI</b>	
1	Xác định thành phần hạt, Modul độ lớn	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136, C117, AASHTO T11, T27, T37
2	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128, AASHTO T184, T85
3	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; TCVN 10322:2014; TCVN 8735:2012; ASTM C127; AASHTO T85
4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10321:2014; ASTM C29; AASHTO T19
5	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10322:2014 ASTM C70; AASHTO T19.
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C87, C117, C142, AASHTO T11, T112, T171

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40, AASHTO T21
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10324: 2014; ASTM C170, D2938
9	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C88, C31, C535, AASHTO T96, T327
10	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASHTO T96 ; T327
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335; ASTM D4791
12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006; AASHTO T112, T113; ASTM C142
13	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
14	Xác định chỉ số (ES)	ASTM D2419-1991; AASHTO T176
15	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-1999
16	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75mm của cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9:2022 TCVN 9028:2011
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C349-14, ASTM C109-16; EN 12190:1999; EN 13892-2; ISO 679;
8	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
9	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3212-12:2013; TCVN 9349:2012; ASTM D 4541-09

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
10	Xác định khả năng giữ nước của vữa	TCVN 9202 : 2012
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CHO HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143; AASHTO T119; JIS A1101
2	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022 ASTM C1170; ASTM C138
3	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:2022 ASTM C138; ASTM C1170; AASHTO T121; JIS A1116
4	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ; ASTM C232; C940; AASHTO T158; JIS A1123
5	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642; C138; AASHTO T121
6	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022 ASTM C642
7	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022 ASTM C418
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C642; C138; AASHTO T121
9	Xác định tính thấm, hệ số thấm và khả năng chống thấm nước	TCVN 3116:2022 ASTM C1585; C403;
10	Xác định cường độ nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; C1231; C42; C1604; AASHTO T22, T24, JIS A1108, A1107
11	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78; C293; AASHTO T97, T117, T126; JIS A1106, A1114; ASTM C78- 10; ASTM C1609/C1609M-12
12	Xác định cường độ kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198, JIS A1113
13	Xác định thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông	ASTM C403-08; TCVN 8826:2011(Phụ lục C), TCVN 9338:2012
14	Xác định độ hút nước, tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3113:2022
15	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022
16	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
17	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông, bê tông nặng	TCVN 3110:2022



TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
18	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	ASTM C42; C1604/C1604M; TCXD 239; TCVN 12252: 2020
19	Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn	TCVN 9347:2012
20	Phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012; ASTM E 529-04
21	Xác định cường độ kéo khi éo chế	TCVN 8862:2011
22	Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền của lớp phủ bê tông, vữa, gạch, đá ốp lát và sơn các loại trên bề mặt kết cấu xây dựng	TCVN 9349:2012; TCVN 9491:2012 ASTM D 882-12; ASTM D 4541-02
<b>V</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY</b>	
1	Gạch đất sét nung: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền nén, cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng riêng; khối lượng thể tích; độ rỗng.	TCVN 6355:2009
2	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ rỗng, Xác định độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
3	Gạch tự chèn: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, xác định độ mài mòn, xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
4	Gạch terrazzo: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013
5	Gạch bê tông nhẹ- Xác định cường độ nén, khối lượng thể tích khô, độ co	TCVN 9030: 2017; TCVN 7959: 2011
6	Gạch bê tông khí chưng áp (ACC): xác định kích thước, độ ẩm và khối lượng thể tích khô, cường độ chịu nén	TCVN 7959: 2011
<b>VI</b>	<b>THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT</b>	
1	Xác định độ cứng vạch bề mặt, khối lượng thể tích, độ bền uốn, kích thước, khuyết tật, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 4732 : 2016
<b>VII</b>	<b>THỬ NGHIỆM PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG</b>	
1	Phụ gia hoá học cho bê tông: Lượng nước trộn tối đa, thời gian đông kết chênh lệch và cường độ nén so với mẫu đối chứng	TCVN 8826:2011

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
2	Phụ gia khoáng hoạt tính cao (Silicafume, tra trấu nghiền mịn, xi hạt lò cao, tro bay) xác định: Hàm lượng mất khi nung; lượng sót trên sàng 45µm, chỉ số hoạt tính đối với xi măng so với mẫu đối chứng ở tuổi 7 ngày tuổi	TCVN 8827:2011 TCVN 10302:2014 TCVN 11586:2016
<b>VIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG</b>	
1	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186: 1996
2	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
3	Xác định hàm lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
4	Xác định hàm lượng SO4	TCVN 6200:1996
5	Xác định hàm lượng ion clo	TCVN 6194:1996
6	Xác định độ dẫn, độ mặn, lượng ôxi hòa tan, nhiệt độ	TCVN 6492-99
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG POLYME</b>	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
5	Xác định tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
6	Xác định lượng hòa tan trong Triclo Etylen	TCVN 7500:2005
7	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
9	Xác định hàm lượng Papaphin	TCVN 7503:2005; ASTM D 140-01
10	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG</b>	
1	Xác định độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
3	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:2011

TINA  
 IG TÂM  
 CHẤT LƯỢNG  
 Y HOẠC  
 DỰNG  
 IG SON  
 \*

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
4	Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011
<b>XI</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG</b>	
1	Nhũ tương: Xác định độ nhớt Saybolt Furol; Độ nhớt cánh khuấy quay; Độ ổn định lưu trữ; Lượng hạt quá cỡ; Độ khử nhũ; Hàm lượng nhựa sau chung cất	TCVN 13506 : 2022
<b>XII</b>	<b>THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
1	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
2	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735 : 2012
3	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020
4	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197 : 2012
5	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
<b>XIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>	
1	Xác định độ ổn định, độ cứng quy ước, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
<b>XIV</b>	<b>THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG, HÀN VÀ KIM LOẠI</b>	
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009) ASTM A370-16;

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
		ASTM E8-16; JIS Z 2201; JIS Z 2241; BS EN 1002-1:2001; GB/T 228:2002
2	Thử uốn	TCVN 198-1:2008 JIS Z 2248; ASTM A370-16; BS EN 1002-1:2001; GB/T 232:99
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010
4	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010 JIS 3121 TCVN 197-1:2014
5	Thử tải bu lông, vít cấy, đai ốc	ISO 898-1:2009; ASTM F606M-14; TCVN 1916:1995; ASTM E488/E448M-15; ASTM E1512-01:2015;
<b>XV</b>	<b>THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM</b>	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854:06
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012;
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89-10; AASHTO T90-08; ASTM D4318:05
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 7572-2:2006; AASHTO T88-10 ; ASTM D1140-14;
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012;
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557:09; AASHTO T99-01
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012;
9	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; TCVN 8821:2011; AASHTO T 193-10 ASTM D1883:07; TCVN 4196 :2012

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
10	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; AASHTO T267-91
11	Cấp phối gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:2011;
11	Cấp phối gia cố xi măng: Xác định cường độ kháng nén	TCVN 9403:2012;
12	Xác định modul đàn hồi của VL đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013
<b>XVI</b>	<b>THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>	
1	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011
2	Kiểm tra khuyết tật của cọc bằng PP động biến dạng nhỏ	TCVN 9397:2012
3	Cọc khoan nhồi- Xác định tính đồng nhất của bê tông- phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396: 2012
4	Cọc- Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
5	Phương pháp thí nghiệm hiện trường- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012 ASTM D1586-11
6	Nhà cao tầng- Kỹ thuật đo đạc phục vụ công tác thi công	TCVN 9364:2012
7	Nhà và công trình xây dựng - Xác định chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012
8	Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và Công nghiệp bằng PP đo cao hình học	TCVN 9360: 2012
9	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
10	Đất xây dựng – Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
11	Bê tông cốt thép- Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn- Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
12	Xác định độ chặt tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020. TCVN 8728 :2012 TCVN 8729 :2012 AASHTO T204 ASTM D2937
13	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012 TCVN 8297_2018
14	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864: 2011
15	Xác định modul đàn hồi “E chung của áo đường” bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695:96;

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
		AASHTO T256:77
16	Xác định modun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
17	Xác định độ bằng phẳng mặt đường ô tô theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI (International Roughness Index)	TCVN 8865:2011
18	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335: 2012
19	Phương pháp thử không phá hủy - Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357: 2012
20	Phương pháp xác định cường độ nén của bê tông nặng bằng súng bật nảy	TCVN 9334: 2012
21	Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356: 2012
22	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
(Kèm theo quyết định công bố số 14/QĐ-TTGD ngày 10 tháng 04 năm 2026  
của Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn)



**I. THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM**

**1. Thiết bị thí nghiệm đo lường:**

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo Cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn	Ghi chú
1	2	3	4	7
1	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn	Model: WE-1000B 3 thang lực 200, 500, 1000KN, hiển thị đồng hồ kim, cấp chính xác: cấp 1	1 năm	Phục vụ thí nghiệm kéo uốn thép, nén bê tông
2	Máy thử độ bền nén	Model: TYE-2000	1 năm	Phục vụ thí nghiệm nén bê tông
3	Máy nén CBR	Model: CBR-1 Cung lực 50 KN	1 năm	Phục vụ thí nghiệm đất
4	Máy nén Marshall	Model: MSY-30 Cung lực 30 KN	1 năm	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
5	Đồng hồ đo chuyển vị (4 cái)	(0-10)/0,01mm	1 năm	Phục vụ các thí nghiệm trong phòng
6	Kích thủy lực	(0-320)kN	1 năm	Phục vụ thí nghiệm kết cấu công trình
7	Cân benkenman	Tỷ lệ 2:1	1 năm	Phục vụ thí nghiệm nền, mặt đường
8	Cân điện tử	Khả năng cân: 600 g, độ phân giải: 0.01 g	1 năm	Phục vụ chung các TN
9	Cân điện tử	Khả năng cân: 15kg, độ phân giải: 1 g	1 năm	Phục vụ chung các TN
10	Cân thủy tĩnh	Khả năng cân: 6 kg, độ phân giải: 0,1 g	1 năm	Phục vụ chung các TN
11	Máy thử độ bền nén, uốn	Model: TYA-300 (0-300) kN	1 năm	Phục vụ thí nghiệm vữa, xi măng
12	Kích thủy lực	(0-2000)kN	1 năm	Phục vụ thí nghiệm cọc
13	Đồng hồ SO (2 cái)	0-50mm; độ chia 0,01mm	1 năm	Phục vụ thí nghiệm cọc
14	Máy nén đất tam liên	Phạm vi đo: (0 ~ 4800) N, tỷ lệ cần = 1: 12	1 năm	Phục vụ thí nghiệm đất



15	Máy cắt đất	Phạm vi đo: (0 ~1200) N	1 năm	Phục vụ thí nghiệm đất
18	Thiết bị thử cường độ bê tông	Phạm vi đo: (10 ~70) N/mm <sup>2</sup>	1 năm	Phục vụ thí nghiệm không phá hủy
19	Thiết bị siêu âm bê tông	0 ~ 4500 m/s	1 năm	Phục vụ thí nghiệm không phá hủy
20	Máy siêu âm định vị cốt thép		1 năm	Phục vụ thí nghiệm không phá hủy
21	Máy siêu âm cọc khoan nhồi		1 năm	Phục vụ thí nghiệm không phá hủy
22	Máy kiểm tra độ bền uốn của gạch men, gốm sứ, gạch lát nền, đá ốp lát	Pmax =1000kg	1 năm	Kiểm tra độ bền uốn của gạch men, gốm sứ, gạch lát nền, đá ốp lát
23	Thiết bị đo mài mòn bề mặt		1 năm	Kiểm tra độ mài mòn của gạch men, gạch lát nền
24	Máy phân tích ăn mòn cốt thép		1 năm	Phục vụ thí nghiệm không phá hủy
25	Máy kiểm tra độ bám dính theo phương pháp nhỏ giọt	Lực kéo 1.6-16KN	1 năm	Kiểm tra độ bám dính
26	Bộ thí nghiệm hóa nước		1 năm	Phân tích hóa nước
27	Thiết bị đo gồ ghề mặt đường theo chỉ số IRI		1 năm	Khảo sát đường
28	Máy thử thấm bê tông		1 năm	Thử thấm BT
29	máy mài mòn LosAngeles		1 năm	Xác định độ hao mòn của cốt liệu lớn

## 2 Trang thiết bị khác

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Tài liệu KT của TB	Ghi chú
1	2	3	4	5

I	<b>Các thiết bị sử dụng chung</b>			
1	Bình hút âm D300mm			
2	Tủ sấy nhiệt độ tối đa 300°C, Model: 101-2A (loại chỉ thị hiện số)		HDSD	
3	Đồng hồ bấm giây			
4	Bơm chân không. Model: 2XZ-1			
5	Bình hút chân không			
6	Bình tam giác 250ml			
7	Bình trụ định mức 1000ml			
8	Bình trụ định mức 500ml			
9	Bình trụ định mức 250ml			
10	Pipet 10ml			
11	Phễu thủy tinh 50			
12	Tấm kính kỹ thuật			
13	Cối chà sứ			
14	Cối chà đồng			
15	Khay inox 30x40cm			
16	Nhiệt kế thủy tinh 0-100°C			
II	<b>Thiết bị dùng cho thí nghiệm cát, đá dăm, sỏi</b>			
1	Bộ xilanh thử nén đập đá, đường kính 150 và 75 mm			
2	Thùng thử độ bụi bùn sét của cát, đá			
3	Côn thử độ xốp đá			
4	Bộ sàng cát D200mm theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ sàng lỗ tròn: 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5; đáy và nắp sàng			
5	Bộ sàng đá D300mm theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ sàng lỗ tròn: 5; 10; 20; 40; 70; 100; đáy và nắp sàng			
6	Bảng so màu			
7	Côn thử xốp cát			
8	Côn chà thử độ hấp phụ cát			
9	Thước đo hạt thoi dẹt			
10	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 10, 20 l; vật liệu inox			
11				
III	<b>Thiết bị dùng cho Thí nghiệm bê tông</b>			
1	Khuôn 150 x 150 x 150mm, vật liệu thép			
2	Khuôn 100x100x100mm (Kép 3), vật liệu thép			
3	Khuôn trụ □150 x 300mm, vật liệu thép			
4	Khuôn 200x200x200 mm, vật liệu thép			
5	Khuôn thử uốn 150 x 150 x 600 mm, vật liệu thép			
6	Bộ côn thử độ sụt bê tông			



7	Bàn rung mẫu bê tông, Kích thước bàn 800x800mm Điện áp 220V, 50Hz			
8	Khuôn đúc mẫu vữa 70,7x70,7x70,7mm, kép3, vật liệu thép			
9	Máy thử thấm bê tông HS-4			
10	áo khuôn thử thấm bê tông			
11	Khuôn đúc mẫu thử thấm bê tông			
12	Bộ gá uốn mẫu bê tông			
<b>IV Thiết bị thử xi măng</b>				
1	Máy trộn vữa tiêu chuẩn JJ5,		HDSD	
2	Máy dẫn tạo mẫu chuẩn.	Số lần dẫn định sẵn: 60 Thời gian cho 1 chu kỳ 1 phút Chiều cao rơi 15mm	HDSD	
3	Vika			
4	Bàn dẫn vữa quay tay			
5	Nồi chung hấp mẫu xi măng			
6	Khuôn Le Chatelie			
7	Khuôn 4x4x16 mm, đúc 1 lần được 3 viên mẫu			
8	Bay chảo trộn			
9	Bình tỷ trọng			
10	Sàng xi măng 0,09, đồng kính D200mm			
11	Sàng xi măng 0,045, đồng kính D200mm			
12	Bộ gôi uốn - nén mẫu xi măng			
13	Dùng cho mẫu 40x40x160mm			
14	Tủ dưỡng mẫu xi măng HBY-40			
<b>V Thí nghiệm đất trong phòng</b>				
1	Dao vòng D 61,8xH20 mm			
2	Hộp nhôm lấy mẫu đất			
3	Dao cắt, gạt và lấy mẫu đất			
4	Cối đầm Proctor tiêu chuẩn	Đường kính D100mm Chiều cao 116,4mm Chiều dài hành trình của chày 300mm Đường kính chày D50mm Trọng lượng búa 2,5kg		
5	Cối đầm Proctor cải tiến	Đường kính D152,4mm Chiều cao 116,4mm Chiều dài hành trình của chày 450mm Đường kính chày		

		D50mm Trọng lượng búa 4,5kg		
6	Bộ sàng đất tiêu chuẩn □200mm (bao gồm 07 cỡ sàng 10; 5; 2; 1; 0.5; 0.25; 0.1 kèm đáy + nắp)			
7	Tỷ trọng kế loại 151H và 152H			
8	Bình tỷ trọng 100 ml			
9	Dụng cụ Vaxiliep	Model CD-1 Trọng lượng chùy xuyên 76g Góc đỉnh côn 30 <sup>0</sup>	HDSD	
10	Tấm kính nhám			
11	Giấy thấm			
12	Bộ sàng cấp phối đá dăm đường kính D300mm (bao gồm 14 cỡ sàng, đáy, nắp sàng)			
13	Khuôn CBR			
14	Tấm giãn cách			
15	Bộ CBR hiện trường			
VI	<b>Thí nghiệm hiện trường</b>			
1	Thiết bị ép tĩnh nền đường			
2	Phễu rót cát			
3	Bộ dao đai lấy mẫu hiện trường theo ASTM			
4	Bao gồm: 03 dao, chày đóng, cần dẫn hướng			
5	Dao đo dung trọng V200cm <sup>3</sup> , bao gồm 3 dao bằng Inox			
6	Bộ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát			
7	Thuốc thẳng 3m: bao gồm thuốc nhôm 3m, nệm đo độ thẳng			
9	Bộ lấy mẫu xuyên tiêu chuẩn (SPT)	Thiết bị bao gồm: - Móng chia mẫu - Cần khoan dài 1.5m - Bộ gia tải và dụng cụ thò lấp bao gồm: quả gia tải 63.5kg, cần mở 20cm, thanh dẫn hướng 76.2mm, pulley, chõn đế, khóa mở cần	HDSD	
10	Bộ xuyên tĩnh Model: CLD-5 Thiết bị bao gồm : - Khung chịu lực, được làm bằng thép khả năng làm việc 5 tấn. - Thanh đo được làm bằng thép, đường	áp kế: 60kg/cm <sup>2</sup> áp kế: 500kg/cm	HDSD	

INH  
AM  
AT LUCNG  
DACH  
NG  
ON

	<p>kính 36 mm chiều dài 1m đầu tạo ren</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh dẫn bên trong: đường kính 15mm chiều dài 1m</li> <li>- Thanh cầm chữ T: được làm bằng thép, hàn mép</li> <li>- Đầu côn: được làm bằng thép, góc côn 60 độ, đường kính 35,7 mm đầu được tạo ren</li> <li>- Hộp dụng cụ</li> <li>- Bộ kẹp khung gồm</li> <li>+ Bộ kẹp lớn: chiều dài 1,8 m rộng 12cm</li> <li>+ Bộ kẹp nhỏ chiều dài 1,2 m rộng 15cm</li> </ul>			
VII	<b>Thí nghiệm thép</b>			
1	Thước lá L =500 mm			
2	Thước kẹp L =300 mm			
3	Bộ đầu gối uốn thép			
VIII	<b>Thiết bị thí nghiệm nhựa, bê tông nhựa</b>			
1	Thiết bị đầm tạo mẫu Marshall, đầm mẫu bằng tay. Bao gồm 03 khuôn			
2	Bình ổn nhiệt Marshall HHW-2			
3	Nhiệt kế loại 0 - 150 °C			
4	Nhiệt kế loại 0 - 250 °C			
5	Bộ sàng bê tông nhựa □□00mm (13 cỡ sàng kèm đáy + nắp)			
6	Máy quay ly tâm, Model: SLF-400	<p>Thể tích cốc chứa mẫu; 3lít</p> <p>Tốc độ 0-3000v/p</p> <p>Nguồn điện 220V50HZ</p>		
7	Giấy lọc			
8	Thiết bị thử độ kim lún, model: LZY-50	<p>Cung cấp bao gồm 2 kim xuyên, chậu đựng mẫu thủy tinh, cốc mẫu bằng thép, đồng hồ đo chuyển vị</p>	HDSD	
9	Máy thử độ giãn dài nhựa Model SY-1.5,	<p>Chiều dài hành trình kéo lớn nhất 1500mm</p> <p>Tốc độ kéo 50 ±2,5mm/p</p> <p>Có hệ thống cấp nhiệt, bơm làm đều môi trường nớc, hệ thống đo nhiệt, dẫn dài độ hiện số.</p> <p>Điện áp 220V 50HZ</p>	HDSD	
10	Dụng cụ xác định độ hoá mềm nhựa	Cung cấp bao gồm:	HDSD	

	Model: LRY-35	cốc thủy tinh chịu nhiệt, 02 khuôn thử, 02 viên bi		
11	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa, Model: SYD-3536	Điện áp 220V 50Hz Cung cấp bao gồm: - Máy chính - Cốc đựng mẫu - Giá nhiệt kế - Nhiệt kế (-6 ± 400) °C, độ chia 2°C	HDSD	
12	Thiết bị xác định tồn thất khi nung: hệ thống quay, cốc đựng mẫu (dùng lắp vào tủ sấy)		HDSD	
13	Máy cắt bê tông và thép kiểu để bàn BS 400 Đức		HDSD	
14	Bộ khoan rút lõi kim cương DB 160 Đức		HDSD	
15	Bộ mẫu đo độ cứng Mohs GT 0188 Ytaly		HDSD	
16	Thiết bị kiểm tra sức chịu lực của neo và bu lông		HDSD	
17	Xe chuyên dụng kèm theo bộ gá chuyên dụng để gắn với thiết bị đo độ gồ ghề mặt đường IRI		HDSD	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

Bộ phận: Phòng thí nghiệm vật liệu

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ giao
1	Hoàng Việt Văn	Chịu trách nhiệm chung PTN; Phụ trách quản lý kỹ thuật; Quản lý máy móc thiết bị, kế hoạch kiểm định; phân công, lập kế hoạch, kiểm tra, đôn đốc tiến độ nhiệm vụ giao; Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất, đá; Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý nhựa đường, bột khoáng Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bê tông nhựa Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép; Thí nghiệm hiện trường.
2	Lý Mạnh Tôn	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất, đá; Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bê tông nhựa Thí nghiệm các chỉ tiêu cốt liệu (đá dăm, cát) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý vật liệu gia cố bằng chất kết dính; Thí nghiệm các chỉ tiêu của Gạch (Block, xây, tạc chèn) Thí nghiệm nước xây dựng; Thí nghiệm hiện trường.
3	Nguyễn Văn Chung	Thí nghiệm các chỉ tiêu bê tông xi măng, xi măng, vữa Thí nghiệm các chỉ tiêu của Gạch (Block, xây, tạc chèn) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép Thí nghiệm các chỉ tiêu của Gạch (Block, xây, tạc chèn) Thí nghiệm các chỉ tiêu cốt liệu (đá dăm, cát) Thí nghiệm nước xây dựng; Thí nghiệm hiện trường.
4	Nguyễn Thùy Linh	Thí nghiệm các chỉ tiêu bê tông xi măng, xi măng, vữa Thí nghiệm các chỉ tiêu của Gạch (Block, xây, tạc chèn) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép Thí nghiệm các chỉ tiêu cốt liệu (đá dăm, cát) Thí nghiệm nước xây dựng

		Thí nghiệm hiện trường.
5	Đỗ Thị Như Ngọc	Thí nghiệm các chỉ tiêu bê tông xi măng, xi măng, vữa Thí nghiệm các chỉ tiêu cốt liệu (đá dăm, cát) Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bê tông nhựa Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất, đá; Thí nghiệm nước xây dựng Thí nghiệm hiện trường.
6	Nguyễn Đức Trọng	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý nhựa đường, bột khoáng Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bê tông nhựa Thí nghiệm các chỉ tiêu của Gạch (Block, xây, tự chèn) Thí nghiệm nước xây dựng. Thí nghiệm cọc. Thí nghiệm hiện trường.

*Lang Son, ngày 10 tháng 04 năm 2026*  
**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**


  
**Vy Minh Anh**